

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 4 năm 2026)

Để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kiểm soát chất lượng môi trường các tuyến sông cấp nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ năm 2026, Chi cục Thủy sản Cà Mau phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu môi trường và bệnh thủy sản miền Nam thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt tại 23 điểm quan trắc trên các tuyến sông thuộc địa bàn tỉnh Cà Mau từ 10/5 – 13/5/2026 (đợt 4 năm 2026).

Các điểm quan trắc gồm: Kênh 30/4, Kênh Xáng, Kênh Cái Cùn, Kênh Chùa Phật, Kênh Gò Cát, Kênh Hộ Phòng, Kênh 9000, Cửa biển Gành Hào, Sông Bạc Liêu, Kênh Trường Sơn, Kênh số 3, Kênh Mương 7, Ngã 3 Vàm Đầm, Sông Đầm Dơi, Sông Cái Đoi, Ngã 3 Vàm Đình, Cống Đá Kênh 4 – Hòa Mỹ, Lương Thế Trân, Sông Cái Đoi Vàm, Sông Đường Chéo (Đường Kéo), Kênh Xáng Độ Cường, Sông Thị Tường, Kênh Xáng Tân Hưng.

Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, độ kiềm, N-NO₂⁻, N-NH₄⁺, P-PO₄³⁻, N-NO₃⁻, TSS, TP, *Chlorophyll a*, *Vibrio* tổng số, *Vibrio parahaemolyticus* tổng số và *Coliform* tổng số, EHP.

1. Kết quả chất lượng nước

(Kèm theo phụ lục kết quả phân tích chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh cà mau).

2. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	WQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Kênh 30/4	Hiệp Thành	87	Rất tốt	DO, Vibrio	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, mật độ <i>Vibrio</i> cao, do đó cần diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
2	Kênh Xáng	Vĩnh Trạch	22	Rất kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , Vibrio, Coliform = 11.000 MPN/100mL (DO, Vibrio có qi = 1)	Không phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao, do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ <i>Coliform</i> cao cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
3	Kênh Cái Cùng	Vĩnh Hậu	46	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , TSS, Vibrio, <i>V. parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL, Coliform = 11.000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng và mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ <i>Coliform</i> cao cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
4	Kênh Chùa Phật	Vĩnh Hậu	12	Rất kém	DO, độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , Vibrio, <i>V.</i> <i>parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL (DO, độ kiềm, NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ có qi = 1)	Không phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Cần bổ sung bột vôi CaCO ₃ , bột Dolomite CaMg(CO ₃) ₂ để tăng pH và độ kiềm. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	WQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
5	Kênh Gò Cát	Long Điền	44	Kém	DO, Vibrio, Coliform = 11.000 MPN/100mL (Vibrio có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Mật độ <i>Vibrio</i> cao, do đó cần diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ <i>Coliform</i> cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
6	Kênh Hộ Phòng	Long Điền	90	Rất tốt	DO, Vibrio, <i>V.</i> <i>parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, mật độ <i>Vibrio</i> cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> , cần diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
7	Kênh 9000	Hồng Dân	48	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V. parahaemolyticus</i> = 80 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
8	Cửa biển Gành Hào	Gành Hào	92	Rất tốt	DO	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản.
9	Sông Bạc Liêu	Bạc Liêu	35	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , Vibrio (DO có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
10	Kênh Trường Sơn	Hiệp Thành	32	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS, Vibrio, <i>V. parahaemolyticus</i>	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi.

TT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	WQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					= 30 CFU/mL, Coliform = 11.000 MPN/100mL (DO, TSS có qi = 1)	Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng và mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ <i>Coliform</i> cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
11	Kênh số 3	Vĩnh Hậu	32	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS, <i>Vibrio</i> , <i>V. parahaemolyticus</i> = 40 CFU/mL (DO, TSS có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng và mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
12	Kênh Mương 7	Vĩnh Hậu	39	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ , <i>Vibrio</i> (DO có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
13	Ngã 3 Vàm Đầm	Tân Tiến	79	Tốt	DO, độ mặn, độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P- PO ₄ ³⁻ , <i>V. parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Cần bổ sung bột vôi cacbonat CaCO ₃ , bột Dolomite CaMg(CO ₃) ₂ để tăng pH và độ kiềm. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	WQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
14	Sông Đầm Dơi	Đầm Dơi	78	Tốt	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , Vibrio, <i>V. parahaemolyticus</i> = 80 CFU/mL	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
15	Sông Cái Đôi	Phú Tân	86	Rất tốt	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, <i>V. parahaemolyticus</i> = 70 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
16	Ngã 3 Vàm Đình	Phú Mỹ	55	Trung bình	DO, N-NH ₄ ⁺ , TSS (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chất rắn lơ lửng và các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao do đó cần lắng và xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.
17	Cống Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	Hung Mỹ	92	Rất tốt	DO, <i>V.</i> <i>parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
18	Lương Thế Trần	Xã Lương Thế Trần và phường Lý Văn Lâm	59	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , <i>V. parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL, Coliform = 11.000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	WQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
						Mật độ <i>Coliform</i> cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
19	Sông Cái Đôi Vàm	Cái Đôi Vàm	55	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>Vibrio</i> (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
20	Sông Đường Chéo (hay Đường Kéo)	Tân Ân	87	Rất tốt	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , <i>V. parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL, Coliform = 24.000 MPN/100mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ <i>Coliform</i> cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
21	Kênh Xáng Độ Cường	Phường Hòa Thành và xã Trần Phán	80	Tốt	DO, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , Coliform = 11.000 MPN/100mL	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi. Mật độ <i>Coliform</i> cao, cần chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
22	Sông Thị Tường	Hung Mỹ	57	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , <i>Vibrio</i> , <i>V. parahaemolyticus</i> = 12 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	Xã/phường	WQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
23	Kênh Xáng Tân Hưng	Tân Hưng	90	Rất tốt	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V. parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.

Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

3. Khuyến cáo

Hiện nay, thời tiết địa bàn tỉnh Cà Mau đang trong điều kiện nắng nóng xen kẽ các cơn mưa đầu mùa, nguy cơ suy giảm chất lượng nước và phát sinh dịch bệnh trên tôm nuôi vẫn ở mức cao; do đó cần tăng cường theo dõi các yếu tố môi trường, quản lý chặt chẽ chất lượng nước, xử lý nước đầu vào phù hợp và thường xuyên giám sát tình trạng ao nuôi trong suốt quá trình sản xuất. Trước tình hình thời tiết trên, Chi cục Thủy sản khuyến cáo người nuôi trồng thủy sản chủ động thực hiện các biện pháp quản lý, chăm sóc tôm nuôi nhằm hạn chế thiệt hại trong sản xuất.

- Cần cải tạo ao/vuông thật kỹ, đúng quy trình sao cho có thể loại bỏ được mầm bệnh còn tồn đọng. Cần lắng, lọc, diệt khuẩn và xử lý nước trước khi lấy vào ao/vuông nuôi, nhất là những thủy vực có hàm lượng các chất ô nhiễm, vi khuẩn cao. Nên chủ động nguồn nước sạch và có nơi trữ nước để cung cấp, thay nước cho ao/vuông nuôi khi cần thiết. Không cấp trực tiếp nguồn nước có chất lượng nước thấp (các điểm có chỉ số AWQI kém hoặc rất kém).

- Thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH ở mức thích hợp 7,5 – 8,5 và dao động giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

- Tập trung gia cố bờ bao, cống để tránh sạt lở và nước tràn bờ làm thủy sản thất thoát.

- Trong những ngày nắng nóng cần duy trì mực nước trong ao nuôi từ 1,2 – 1,5m, tăng cường quạt nước và nâng mực nước trong ao nuôi nhằm giảm chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm và giảm sốc cho tôm nuôi.

- Trong những ngày có mưa cần tháo bỏ lớp nước mặt trong và sau khi mưa, đồng thời tăng cường quạt nước để tránh hiện tượng phân tầng nước. Dùng vôi nông nghiệp, hoặc vôi sống tạt trên bờ trước khi mưa, sau khi mưa hòa vôi trong nước tạt đều

quanh ao/vuông nuôi (từ 10 – 20kg/1.000m² ao nuôi). Chủ động giảm hoặc ngưng cho tôm ăn trong thời gian mưa. Sau khi mưa cần bổ sung các chất tăng sức đề kháng, chế phẩm vi sinh giúp ổn định môi trường, hạn chế khí độc trong ao/vuông nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý – hóa trong ao/vuông và biểu hiện hoạt động của tôm nuôi, để kịp thời phát hiện diễn biến mầm bệnh, nhất là vào những ngày nắng nóng. Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Ngoài ra, hộ nuôi nên thường xuyên theo dõi các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn và các tin tức trên báo, đài và các trang thông tin điện tử để nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo, khuyến cáo của Chi cục Thủy sản đến bà con nuôi tôm để chủ động trong sản xuất, nhằm hạn chế thiệt hại cho thủy sản nuôi./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTS_(Giang).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Trung

Phụ lục
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU CHẤT LƯỢNG NƯỚC PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (TỪ NGÀY 10/5 – 13/5/2026)
(Kèm theo Thông báo số /TB-CCTS ngày / /2026 của Chi cục Thủy sản)

STT	Điểm quan trắc	Xã/phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus (CFU/ml)	Coliform (MPN/100ml)	EHP
1	Kênh 30/4	Hiệp Thành	33	7,5	4	22	91	0,1	0,172	0,036	0,398	30	0,132	7,3	1600	<1	4600	Âm tính
2	Kênh Xáng	Vĩnh Trạch	32	7,5	2	20	147	0,128	1,584	0,086	0,139	97,3	0,298	55,4	3300	<1	11000	Âm tính
3	Kênh Cái Cùng	Vĩnh Hậu	33	7,5	2	25	102	0,106	0,036	0,032	0,434	129,3	0,221	28,5	2500	30	11000	Âm tính
4	Kênh Chùa Phật	Vĩnh Hậu	34	8	2	24	233	0,114	3,763	0,812	0,321	69,3	1,152	42,2	2100	20	4600	Âm tính
5	Kênh Gò Cát	Long Điền	33	8	4	26	129	0,036	0,246	0,059	0,44	62,7	0,098	27,9	3700	<1	11000	Âm tính
6	Kênh Hộ Phòng	Long Điền	33	8	4	25	96	0,041	0,018	0,026	0,242	22	0,03	6,4	1300	10	36	Âm tính
7	Kênh 9000	Hồng Dân	33	7,5	2	5	147	0,004	1,195	0,194	KPH	17,3	0,213	37,7	560	80	930	Âm tính
8	Cửa biển Gành Hào	Gành Hào	34	7,5	4	27	88	0,023	0,023	0,025	0,254	27,5	0,048	20,1	900	<1	230	Âm tính
9	Sông Bạc Liêu	Bạc Liêu	33	7,5	2	18	143	0,14	1,699	0,192	0,2	50,7	0,222	38,3	1200	<1	2400	Âm tính
10	Kênh Trường Sơn	Hiệp Thành	32	7,5	2	20	106	0,12	0,486	0,053	0,456	420	0,119	20,3	1500	30	11000	Âm tính
11	Kênh số 3	Vĩnh Hậu	32	7,5	2	24	130	0,118	0,499	0,048	0,214	548	0,294	40,8	1500	40	430	Âm tính
12	Kênh Muơng 7	Vĩnh Hậu	33	7,5	2	25	140	0,161	1,675	0,121	0,267	87,3	0,158	54,6	1300	<1	2400	Âm tính
13	Ngã 3 Vàm Đầm	Tân Tiến	31	8	4	31	152	0,112	0,744	0,368	0,129	36	0,399	19,8	740	30	4600	Nghi ngờ
14	Sông Đầm Dơi	Đầm Dơi	30	7,5	4	30	146	0,109	0,741	0,361	0,141	35,3	0,444	21,2	1400	80	1500	Âm tính
15	Sông Cái Đồi	Phú Tân	32	8	4	31	142	0,075	0,591	0,149	0,089	111,3	0,183	60,9	610	70	4600	Âm tính
16	Ngã 3 Vàm Đình	Phú Mỹ	31	7,5	3	30	124	0,052	0,357	0,075	0,109	144,7	0,313	21,5	600	<1	2400	Âm tính
17	Cống Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	Hung Mỹ	31	8	4	29	147	0,055	0,2	0,073	0,131	66,7	0,177	23,5	700	10	4600	Âm tính
18	Lương Thế Trân	Xã Lương Thế Trân và	30	7,5	2	29	116	0,257	0,159	0,087	0,192	88,7	0,24	2,8	1000	30	11000	Âm tính

STT	Điểm quan trắc	Xã/phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Vibrio parahae-molyticus (CFU/ml)	Coliform (MPN/100ml)	EHP
		phường Lý Văn Lâm																
19	Sông Cái Đôi Vàm	Cái Đôi Vàm	33	7,5	2	31	118	0,054	0,744	0,167	0,139	28	0,268	14,1	1100	<1	2400	Âm tính
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	Tân Ân	33	8	4	33	110	0,245	0,239	0,087	0,157	70,7	0,156	2,1	760	30	24000	Âm tính
21	Kênh Xáng Độ Cờng	Phường Hòa Thành và xã Trần Phán	30	7,5	4	30	134	0,049	0,757	0,366	0,201	36	0,444	21,5	850	<1	11000	Âm tính
22	Sông Thị Tường	Hung Mỹ	30	8	2	29	136	0,111	0,326	0,087	KPH	49,3	0,221	29,4	1500	12	930	Âm tính
23	Kênh Xáng Tân Hưng	Tân Hưng	31	8	4	30	127	0,203	0,448	0,124	0,196	56	0,228	2,8	1000	10	930	Âm tính